

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HS-ST

Ngày: 18/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Hồng
2. Bà Trần Thị Ngọc Diễm

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2025/TLST-HS ngày 27/3/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HS ngày 28/3/2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Quang T, sinh năm 1986 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; căn cước công dân số: 089086027427; danh chỉ bản số: 10 lập ngày 12/12/2024 tại Công an tỉnh B; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: mua bán; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Huỳnh L, sinh năm: 1945 và bà Phạm Thị Ngọc A, sinh năm: 1956; bị cáo từng có vợ tên: Nguyễn Đỗ Q, sinh năm 1994 (đã ly hôn); con: có 01 người con sinh năm 2017; tiền án; không; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2024 đến ngày 09/12/2024 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Nguyễn Văn Anh T1, sinh năm 1989; nơi cư trú: số 106 ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Phạm Thành T2, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ C, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quang T là khách hàng mua thức ăn thủy sản của anh Nguyễn Văn Anh T1 nên T và T1 quen biết nhau. Khoảng đầu tháng 03/2023, T đến nhà anh T1 ở Khu phố B, phường P, thành phố B mượn xe mô tô của anh T1 làm phương tiện đi về tỉnh An Giang. Anh T1 đồng ý cho T mượn chiếc xe mô tô Biển số 71B4-898.70, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đen cùng Giấy chứng nhận đăng ký

xe mang tên Nguyễn Văn Anh T1. Khi về tỉnh An Giang, do không có tiền tiêu xài, T đã đem chiếc xe mô tô của anh T1 đến Tiệm cầm đồ Minh Q1 do ông Phạm Thành T2 làm chủ cầm hai lần. Lần đầu, khoảng đầu tháng 3/2023, T cầm xe của anh T1 với số tiền 9.000.000 đồng, khoảng một tuần sau T chuộc lại xe. Ngày 19/3/2023, T tiếp tục đem xe mô tô Biển số 71B4-898.70 của anh T1 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe và Giấy chứng minh nhân dân của T đến Tiệm cầm đồ Minh Q1 cầm với số tiền 9.000.000 đồng, thời gian cầm là 30 ngày. Lần này, T không chuộc lại xe. Tiệm cầm đồ Minh Q1 đã xử lý bán chiếc xe mô tô Biển số 71B4-898.70 cho khách (không rõ họ tên, địa chỉ) vào đầu năm 2024. Hiện chiếc xe mô tô Biển số 71B4-898.70 không thu hồi được.

Vật chứng, tài liệu đã thu giữ do ông Phạm Thành T2 chủ Tiệm cầm đồ Minh Q1 giao nộp: 01 (một) Hợp đồng cầm đồ số 144 ngày 19/3/2023 của Tiệm cầm đồ Minh Q1; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 351787367 mang tên Nguyễn Quang T.

Kết luận định giá tài sản số 466/KL-HĐĐG ngày 19/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đen, Biển số 71B4-898.70, số máy: JA39E2843931, số khung: RLHJA3920NY707454 (đã qua sử dụng) trị giá tài sản tháng 3/2023: 15.327.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) Hợp đồng cầm đồ số 144 ngày 19/3/2023 của Tiệm cầm đồ Minh Q1 và 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 351787367 mang tên Nguyễn Quang T (đã hết giá trị sử dụng) được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn Anh T1 yêu cầu Nguyễn Quang T bồi thường thiệt hại đối với xe mô tô Biển số 71B4-898.70 theo kết quả định giá là 15.327.000 đồng, T đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Quá trình điều tra, Nguyễn Quang T khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của T phù hợp với lời khai bị hại, phù hợp vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 14/CT-VKSTPBT ngày 12/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính, áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 9 tháng đến 01 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ hồ sơ vụ án 01 (một) Hợp đồng cầm đồ số 144 ngày 19/3/2023 của Tiệm cầm đồ Minh Q1 và 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 351787367 mang tên Nguyễn Quang T (đã hết giá trị sử dụng).

Về trách nhiệm dân sự, ghi nhận: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn Anh T1 số tiền 15.327.000 đồng.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị hại trình bày việc bị cáo chiếm đoạt tài sản của anh như cáo trạng đã nêu. Về trách nhiệm hình sự anh yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự anh yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản không thu hồi được là 15.327.000 đồng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: khoảng đầu tháng 3/2023, Nguyễn Quang T sau khi được Nguyễn Văn Anh T1 cho mượn xe 01 xe mô tô Biển số 71B4-898.70, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, số máy: JA39E2843931, số khung: RLHJA3920NY707454 trị giá 15.327.000 đồng ở phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre để làm phương tiện đi lại thì Nguyễn Quang T đã mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài và không thể trả lại xe cho bị hại.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng, tín nhiệm của bị hại khi nhận được tài sản từ bị hại giao, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt là 15.327.000 đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên” và “Đầu thú” theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có nhưng quá trình điều tra vụ án, bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên cần cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: do tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại không thu hồi được nên không đề cập xử lý. Tiếp tục lưu giữ hồ sơ vụ án 01 (một) Hợp đồng cầm đồ số 144 ngày 19/3/2023 của Tiệm cầm đồ Minh Q1; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 351787367 mang tên Nguyễn Quang T (đã hết giá trị sử dụng).

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn Anh T1 yêu cầu Nguyễn Quang T bồi thường thiệt hại đối với xe mô tô Biển số 71B4-898.70 theo kết quả định giá là 15.327.000 đồng, T đồng ý bồi thường nên buộc bị cáo bồi thường.

[9] Đối với Phạm Thành T2 là người nhận cầm cố xe mô tô Biển số 71B4-898.70 nhưng không biết tài sản là do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp. Hành vi nhận cầm xe không chính chủ, không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xe là có vi phạm khi kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Do đó, kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với hành vi này của ông T2.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo bị kết án và có nghĩa vụ phải bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2024.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự:

Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) Hợp đồng cầm đồ số 144 ngày 19/3/2023 của Tiệm cầm đồ Minh Q1; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 351787367 mang tên Nguyễn Quang T.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn Anh T1 số tiền 15.327.000 (mười lăm triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Quang T nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm 766.000 (bảy trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng. Tổng cộng, bị cáo phải nộp là 966.000 (chín trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

5. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bến Tre; (1b);
- UBND X. Thạnh Mỹ Tây, H. Châu Phú, T.AG (1b);
- Bị cáo, bị hại (2b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình